

Bản án số: 547/2018/HC-PT

Ngày: 14-12-2018

V/v: “Khiếu kiện quyết định hành chính về quản lý nhà nước trong lĩnh vực đất đai, thuộc trường hợp giải quyết khiếu nại đối với hành vi hành chính không cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hoàng Tấn

Các Thẩm phán: 1/ Ông Huỳnh Công Lý

2/ Bà Mai Thị Tú Oanh

Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Kim Nhi, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân: Ông Trần Công Minh, Kiểm sát viên cao cấp VKSND cấp cao tại Tp.HCM tham gia phiên tòa.

Ngày 14/12/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 106/2018/TLPT-HC ngày 14/03/2018 về việc: “*Khiếu kiện quyết định hành chính về quản lý nhà nước trong lĩnh vực đất đai, thuộc trường hợp giải quyết khiếu nại đối với hành vi hành chính không cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*”.

Do bản án hành chính sơ thẩm số 04/2017/HC-ST ngày 12/10/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh bị kháng cáo, giữa các bên đương sự:

Người khởi kiện: Ông TR, sinh năm 1963.

Địa chỉ: ấp XR, xã KS, huyện TC, tỉnh Trà Vinh (Có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông TR:

Luật sư Nguyễn Trần T, Đoàn Luật sư Tp.Hồ Chí Minh (Có mặt)

Người bị kiện:

1/ Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông ĐVL, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh (Vắng mặt)

2/ Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện TC - tỉnh Trà Vinh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông LHP, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện TC (vắng mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà DTS, sinh năm 1960.

Địa chỉ: ấp XR, xã KS, huyện TC, tỉnh Trà Vinh.

Người đại diện theo ủy quyền của bà DTS có ông TR (Có mặt)

Người kháng cáo:

Ông TR là người khởi kiện trong vụ án hành chính.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn và lời khai của phía người khởi kiện ông TR trình bày:

Nguồn gốc diện tích đất 790m², thửa số 947, tờ bản đồ số 10 tọa lạc tại ấp XR, xã KS, huyện TC, tỉnh Trà Vinh là của ông bà để lại, gia đình ông quản lý và sử dụng đến nay. Ông có làm đơn yêu cầu được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên thì trong quá trình giải quyết ngày 09/10/2014 Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện TC ban hành Quyết định 2540/QĐ-UBND về việc điều chỉnh, bổ sung Điều 1 Quyết định số 2484/QĐ-UBND ngày 22/11/2013 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện TC công nhận quyền sử dụng đất cho ông TR diện tích 622m², thuộc thửa 947, tờ bản đồ 10 tọa lạc tại ấp XR, xã KS, huyện TC, tỉnh Trà Vinh.

Không công nhận phần đất 86m² nằm trong thửa 947, tờ bản đồ số 10, tọa lạc tại ấp XR, xã KS, huyện TC, tỉnh Trà Vinh. Bác đơn khiếu nại của ông TR về việc yêu cầu được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 86m² nằm trong thửa 947, tờ bản đồ số 10, tọa lạc tại ấp XR, xã KS, huyện TC, tỉnh Trà Vinh.

Sau khi nhận được quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện TC, ông TR có đơn khiếu nại, đến ngày 06/7/2015 Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh ban hành Quyết định 1146/QĐ-UBND với nội dung công nhận và giữ nguyên quyết định số 2540/QĐ-UBND ngày 09/10/2014 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện TC.

Nay ông yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 1146/QĐ-UBND ngày 06/7/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh và Quyết định số 2540/QĐ-UBND ngày 09/10/2014 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện TC.

Đến ngày 06/9/2016 ông TR có đơn sửa đổi bổ sung đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy một phần Quyết định nêu trên về việc không công nhận quyền sử

dụng đất cho ông TR diện tích 86m², thuộc thửa 947, tờ bản đồ 10 tọa lạc tại ấp XR, xã KS, huyện TC, tỉnh Trà Vinh.

Theo văn bản và lời khai của phía người bị kiện Chủ tịch UBND huyện TC và Chủ tịch UBND tỉnh Trà Vinh trình bày:

Diện tích 708m² mặc dù có nguồn gốc của thân tộc ông TR nhưng gia đình ông TR chỉ sử dụng 622m² cất nhà ở và trồng cây ăn trái, riêng diện tích 86m² từ trước năm 1975 đến nay thể hiện đường đi chung cho các hộ, gia đình ông TR cũng khẳng định không sử dụng vào mục đích riêng.

Theo tư liệu đo đạc năm 1983 và năm 1994 không thể hiện đường đi là do con đường nhỏ nên không thể hiện được trên bản đồ địa chính với tỷ lệ 1/5000, vì vậy diện tích 86m² mặc dù thuộc thửa số 671 đo đạc năm 1983 và thửa 947 đo đạc năm 1994 nhưng trên thực tế là đường đi chung của các hộ.

Trong quá trình giải quyết Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện TC ban hành quyết định 2540/QĐ-UBND ngày 09/10/2014 về việc điều chỉnh, bổ sung Điều 1 Quyết định 2484/QĐ-UBND ngày 22/11/2013 công nhận quyền sử dụng đất cho ông TR diện tích 622m² thuộc thửa 947, tờ bản đồ số 10, đồng thời không công nhận diện tích 86m² thuộc thửa 947 tờ bản đồ số 10 đất tọa lạc tại ấp XR, xã KS, huyện TC, tỉnh Trà Vinh là phù hợp.

Ông TR yêu cầu được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích 86m² (đường đi công cộng) thửa số 947 tờ bản đồ số 10, tọa lạc tại ấp XR, xã KS, huyện TC, tỉnh Trà Vinh là không có cơ sở chấp nhận.

Nay Chủ tịch UBND huyện TC và Chủ tịch UBND tỉnh Trà Vinh đề nghị bác đơn khởi kiện của ông TR.

Theo văn bản và lời khai của bà DTS do ông TR đại diện theo ủy quyền trình bày:

Thống nhất với yêu cầu của ông TR.

Tại bản án hành chính sơ thẩm số 04/2017/HC-ST ngày 12/10/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh đã tuyên xử:

Bác yêu cầu khởi kiện của ông TR về việc yêu đòi hủy một phần Quyết định số 2540/QĐ-UBND ngày 09 tháng 10 năm 2014 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện TC và Quyết định số 1146/QĐ-UBND ngày 06 tháng 7 năm 2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh.

2/ Về án phí hành chính sơ thẩm: Ông TR chịu số tiền 200.000đồng, được khấu trừ số tiền 200.000đồng tạm ứng án phí hành chính sơ thẩm theo biên lai

thu số 0001712 ngày 24 tháng 11 năm 2015 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Trà Vinh, như vậy ông TR đã nộp xong án phí hành chính sơ thẩm.

3/ Về chi phí khảo sát: Ông TR chịu số tiền 5.774.508đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng 3.000.000đồng mà ông TR đã nộp theo phiếu thu ngày 30/8/2016 và số tiền tạm ứng 3.000.000đ theo phiếu thu ngày 14/3/2017 tại Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh, nên hoàn trả cho ông TR số tiền 225.492đồng, Ông TR liên hệ Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh nhận lại số tiền trên.

Ngoài ra án sơ thẩm còn giải quyết các vấn đề liên quan đến thời hạn và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 20/10/2017 ông TR làm đơn kháng cáo, nêu lý do:

Bản án sơ thẩm không thỏa đáng, gây thiệt hại quyền lợi gia đình ông, đề nghị phúc xử lại chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Phía người khởi kiện vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Phía người bị kiện vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Tp.HCM tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án theo trình tự phúc thẩm, Tòa án nhân dân cấp cao tại Tp.HCM đã thụ lý và giải quyết đúng trình tự, thủ tục theo luật định, tại phiên tòa phúc thẩm những người tham gia tố tụng cũng đã được thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Luật Tố tụng hành chính. Về nội dung: Đề nghị HĐXX không chấp nhận yêu cầu khởi kiện và kháng cáo của người khởi kiện, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục kháng cáo: Đơn kháng cáo của ông TR làm trong hạn luật định nên thủ tục kháng cáo hợp lệ.

[2] Về quan hệ tranh chấp, đối tượng giải quyết và thẩm quyền giải quyết:

Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện ông TR, thì vụ án có quan hệ tranh chấp về: “*Khiếu kiện quyết định hành chính về quản lý nhà nước trong lĩnh vực đất đai, thuộc trường hợp giải quyết khiếu nại đối với hành vi hành chính không cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*”.

Mà cụ thể là người khởi kiện đòi hủy một phần Quyết định số 2540/QĐ-UBND ngày 09 tháng 10 năm 2014 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện TC và Quyết định số 1146/QĐ-UBND ngày 06 tháng 7 năm 2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh.

Quan hệ tranh chấp trên được pháp luật quy định tại Điều 3, Điều 30, Điều 115 của Luật Tổ tụng hành chính; Luật đất đai và các quy định có liên quan.

Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đúng các quan hệ tranh chấp trên và giải quyết đúng thẩm quyền được pháp luật quy định tại điều 30, điều 32 Luật Tổ tụng hành chính.

[3] Về nội dung giải quyết yêu cầu kháng cáo của đương sự:

[3.1] Ông TR yêu cầu được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 790m² thuộc thửa 947 tờ bản đồ số 19 ấp XR, xã KS, huyện TC, tỉnh Trà Vinh, nhưng UBND huyện TC không thực hiện, Ông Làm đơn khiếu nại đến Chủ tịch UBND huyện TC thì nhận được quyết định giải quyết khiếu nại với nội dung bác đơn của ông.

Sau đó Chủ tịch UBND huyện TC ban hành quyết định điều chỉnh bổ sung có nội dung: Điều chỉnh, bổ sung Điều 1 của quyết định giải quyết khiếu nại, công nhận quyền sử dụng đất của ông TR diện tích 622m², không chấp nhận phần đất 86m², bác khiếu nại việc đòi cấp giấy chứng nhận diện tích 86m².

Ông TR tiếp tục khiếu nại đến Chủ tịch UBND tỉnh Trà Vinh thì nhận được quyết định giải quyết khiếu nại có nội dung: Bác khiếu nại của ông TR, giữ nguyên quyết định giải quyết khiếu nại và quyết định điều chỉnh bổ sung của Chủ tịch UBND huyện TC.

Do không thống nhất về các căn cứ ban hành quyết định giải quyết tranh chấp đất đai và quyết định giải quyết khiếu nại đối với quyết định giải quyết tranh chấp đất đai, nên các bên đương sự đã phát sinh tranh chấp.

[3.2] Xét;

Theo Điều 50 Luật đất đai năm 2003 và Điều 100 Luật đất đai 2013 quy định về các điều kiện được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất như sau:

Người sử dụng đang trực tiếp sử dụng đất, ổn định.

Có đăng ký đất đai và được UBND xã chứng nhận.

Đất không có tranh chấp.

[3.4] Đối chiếu với khiếu kiện của ông TR thì thấy: Diện tích 86m² từ năm 1975 gia đình ông đã không sử dụng và dùng làm lối đi chung, gia đình ông

không có đăng ký đối với diện tích đất trên và đã có quá trình giải quyết tranh chấp lỏi đi chung với các hộ lân cận tại UBND xã KS, theo ông TR cho biết hiện nay vẫn chưa giải quyết xong.

Ủy ban nhân huyện TC chỉ công nhận diện tích ông đang sử dụng 622m² mà không công nhận diện tích 86m² đất nêu trên là phù hợp, khi nào ông giải quyết tranh chấp xong, chứng minh quyền sử dụng hợp pháp theo luật định thì mới đủ điều kiện được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Chủ tịch UBND huyện TC và Chủ tịch UBND tỉnh Trà Vinh giải quyết bác khiếu nại của ông là phù hợp.

Tòa án cấp sơ thẩm đã không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông là có căn cứ hợp pháp.

Tại cấp phúc thẩm, ông TR kháng cáo nhưng cũng không đưa ra được những tài liệu, chứng cứ gì mới để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình, nên Tòa án cấp phúc thẩm không có cơ sở chấp nhận.

[4] Về án phí hành chính phúc thẩm: Do không chấp nhận kháng cáo của phía người khởi kiện, nên người khởi kiện phải chịu án phí HCPT.

Bởi các lẽ trên;

Căn cứ khoản 1 Điều 241 của Luật Tổ tụng hành chính;

QUYẾT ĐỊNH:

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông TR, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Áp dụng các Điều 3, 28, 115 Luật Tổ tụng hành chính.

Áp dụng các Điều 50 Luật đại năm 2003, Điều 100 Luật đất đai năm 2013.

Áp dụng Luật khiếu nại.

Áp dụng Pháp lệnh và Nghị quyết về lệ phí án phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông TR về việc đòi hủy một phần Quyết định giải quyết khiếu nại số 2540/QĐ-UBND ngày 09 tháng 10 năm 2014 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện TC và Quyết định giải quyết khiếu nại số 1146/QĐ-UBND ngày 06 tháng 7 năm 2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh.

3/ Về án phí hành chính phúc thẩm: Ông TR phải chịu số tiền 300.000đồng, được khấu trừ 300.000đồng tiền tạm ứng án phí kháng cáo theo

biên lai thu số 0014152 ngày 24/10/2017 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Trà Vinh.

4/ Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

5/ Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại TP.HCM;
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- Cục THADS tỉnh Trà Vinh;
- Các đương sự (Để thi hành);
- Lưu: HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

LÊ HOÀNG TẤN